

Bản án số: 62/2020/KDTM-ST

Ngày: 23/9/2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn
2. Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2018/KDTM-ST ngày 24 tháng 12 năm 2018, về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 233/2020/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 211/2020/QĐST-KDTM ngày 01 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP NVTV, địa chỉ trụ sở chính: Số 89 đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, sinh năm 1996; địa chỉ: Tầng 01, số 96 đường Cao Thắng, Phường 04, Quận 03, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số 58213/2019/UQ-PGD ngày 10/12/2019). (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV Vận Tải Giao Nhận ND; địa chỉ trụ sở: Số 50/25 đường Lê Thị Hồng, Phường 17, quận Gò Vấp, TP. HCM.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Sỹ P, sinh năm: 1972, địa chỉ: số 467E khu phố 05, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Sỹ P, sinh năm: 1972, địa chỉ: số 467E khu phố 05, phường Phước Long B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP NVTB (sau đây gọi tắt là VPBank), có bà Nguyễn Thị Kim Oanh đại diện cùng trình bày:

Công ty TNHH MTV Vận Tải Giao Nhận ND (sau đây gọi tắt là Công ty Nam Dương) đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP NVTB – Chi nhánh quận Gò Vấp (sau đây gọi tắt là VPBank) theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: SME/EGV/16/0088/HDTD ngày 25/3/2016. Số tiền vay: 352.500.000 (Ba trăm năm mươi hai triệu năm trăm ngàn) đồng; Mục đích vay: Mua sắm tài sản cố định, thời hạn vay 60 tháng, đã được giải ngân theo Khế ước nhận nợ Lần 1/số: SME/EGV/16/0088/HDTD-01 ngày 25/3/2016; Để đảm bảo cho hợp đồng cấp tín dụng này, Công ty Nam Dương đã ký thế chấp tài sản sau:

* 01 xe sơ mi rơ moóc, nhãn hiệu: AMT, số loại: S403; số khung: RPUS403V8G3000082; biển số: 51R-136.17 Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc số 012880 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/3/2016 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: SME/EGV/16/0088/HDTC ngày 25/3/2016 và chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1207928540 của Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Tp. Hồ Chí Minh ngày 25/3/2016;

* 01 xe sơ mi rơ moóc, nhãn hiệu: AMT, số loại: S202; số khung: RPUS202V1G3000004; biển số: 51R-133.35 Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc số 012874 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/3/2016 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: SME/EGV/16/0088/HDTC ngày 25/3/2016 và chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1207928540 của Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Tp. Hồ Chí Minh ngày 25/3/2016;

- Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số: SME/EGV/16/0213/HDNT ngày 04/8/2016 và Hợp đồng tín dụng SME/EGV/16/0213/HDTD-01 ngày 04/8/2016. Số tiền vay: 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng; thời hạn vay 36 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, đã được giải ngân theo Khế ước nhận nợ Lần 1/số: SME/EGV/16/0213/HDTD-01-01 ngày 04/8/2016; Đối với hợp đồng tín dụng này, VPBank đồng ý cho Công ty Nam Dương vay vốn trên cơ sở khả năng tài chính và uy tín cá nhân của Bên vay, không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay.

- Hợp đồng tín dụng số: SME/EGV/16/0220/HDTD ngày 15/8/2016. Số tiền vay: 670.000.000 (Sáu trăm bảy mươi triệu) đồng; thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: Mua sắm tài sản cố định, đã được giải ngân theo Khế ước nhận nợ Lần 1/số: SME/EGV/16/0220/HDTD-01 ngày 15/8/2016. Để đảm bảo cho hợp đồng cấp tín dụng này, Công ty Nam Dương đã ký thế chấp tài sản sau:

* 01 xe ô tô đầu kéo, nhãn hiệu FREIGHTLINER, số loại: ST120064S; số khung: BCG82LG25813; số máy 75776067MK60; biển số: 51C-786.04 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 187780 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/7/2016 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: SME/EGV/16/0220/HDTD ngày 15/8/2016 và Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1221637242 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Tp. Hồ Chí Minh ngày 15/8/2016;

* 01 xe ô tô đầu kéo, nhãn hiệu FREIGHTLINER, số loại: ST120064S; số

khung: BCG33LJ93940; số máy: 06016067MK60; biển số: 51C-127.22 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 174815 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/7/2016 theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: SME/EGV/16/0220/HDTD ngày 15/8/2016 và Chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm số 1221637242 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Tp. Hồ Chí Minh ngày 15/8/2016;

- Bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Sỹ P theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EVG/16/0088/HĐBLDS ngày 25/3/2016; Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EGV/16/0213/HĐBL ngày 04/8/2016; Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EGV/16/0220/HĐBL ngày 15/8/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn và khởi kiện tại Tòa án, Công ty Nam Dương đã thanh toán cho VPBank được 885.172.551 đồng nợ gốc và 305.385.604 đồng nợ lãi, tổng cộng nợ gốc và lãi thanh toán cho VPBank là: 1.190.558.155 đồng và giải chấp đối với các tài sản. Cụ thể như sau:

+ Ngày 07/3/2018, Công ty Nam Dương đã nộp số tiền 375.000.000 (Ba trăm bảy mươi lăm triệu) đồng để giải chấp tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô đầu kéo, nhãn hiệu FREIGHTLINER, số loại: ST120064S; số khung: BCG33LJ93940; số máy: 06016067MK60; biển số: 51C-127.22 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 174815 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/7/2016;

+ Ngày 01/11/2018, Công ty Nam Dương đã nộp số tiền 230.000.000 (Hai trăm ba mươi triệu) đồng để giải chấp tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô đầu kéo, nhãn hiệu FREIGHTLINER, số loại: ST120064S; số khung: BCG82LG25813; số máy: 75776067MK60; biển số: 51C-786.04 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 187780 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/7/2016.

Số tiền thu được như trên, VPBank đã thu vào nợ gốc của các hợp đồng tín dụng, chi tiết như sau: Hợp đồng số SME/EGV/16/0088/HDTD ngày 25/03/2016 với số tiền gốc là 22.047.551 đồng; Hợp đồng số SME/EGV/16/0220/HDTD ngày 15/8/2016 với số tiền gốc là 109.952.449 đồng; Hợp đồng số SME/EGV/16/0213/HDNT ngày 04/8/2016 với số tiền gốc là 98.000.000 đồng.

Kể từ thời điểm Công ty Nam Dương nộp số tiền giải chấp đến nay, Ngân hàng đã yêu cầu Công ty Nam Dương thực hiện nghĩa vụ của Bên thế chấp theo đúng Hợp đồng thế chấp đã ký với Ngân hàng, bàn giao tài sản bảo đảm cho VPBank xử lý thu hồi nợ, nhưng Công ty TNHH Nam Dương luôn trốn tránh nghĩa vụ, không hợp tác và cố ý không thực hiện nghĩa vụ đúng theo nghĩa vụ của bên bảo đảm theo Hợp đồng.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của VPBank. VPBank đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc Công ty Nam Dương phải có nghĩa vụ trả cho VPBank, tạm tính tới ngày 23/9/2020 là: 1.005.506.713 (Một tỷ không trăm lẻ năm nghìn năm trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm mười ba) đồng, trong đó: Nợ gốc quá hạn: 637.327.449 đồng, nợ lãi quá hạn: 368.179.264 đồng. Cụ thể từng hợp đồng như sau:

+ Đối với Hợp đồng số SME/EGV/16/0088/HDTD ngày 25/03/2016, Công ty TNHH Nam Dương đã thanh toán cho VPBank tổng cộng là 214.617.469 đồng (trong đó: nợ gốc là 157.172.551 đồng, nợ lãi là 57.444.918 đồng). Dự nợ tạm tính đến ngày 23/9/2020 của Hợp đồng số SME/EGV/16/0088/HDTD ngày 25/03/2016 là 289.476.821 (Trong đó: nợ gốc là 195.327.449 đồng, nợ lãi là 94.149.372 đồng)

+ Đối với hợp đồng số SME/EGV/16/0220/HDTD ngày 15/8/2016, Công ty TNHH Nam Dương đã thanh toán cho VPBank tổng cộng là 525.242.635 đồng (Trong đó: nợ gốc là 364.000.000 đồng, nợ lãi là 161.242.635 đồng). Dư nợ tạm tính đến ngày 23/9/2020 của Hợp đồng số SME/EGV/16/0220/HDTD ngày 15/8/2016 là 252.908.550 đồng (trong đó: nợ gốc là 136.000.000 đồng, nợ lãi là 116.908.550 đồng);

+ Đối với hợp đồng số SME/EGV/16/0213/HDNT ngày 04/8/2016, Công ty TNHH Nam Dương đã thanh toán cho VPBank tổng cộng là 450.698.051 đồng (Trong đó: nợ gốc là 364.000.000 đồng, nợ lãi là 86.698.051 đồng). Dư nợ tạm tính đến ngày 23/9/2020 của Hợp đồng số SME/EGV/16/0213/HDNT ngày 04/8/2016 là 463.121.342 đồng (trong đó: nợ gốc là 306.000.000 đồng, nợ lãi là 157.121.342 đồng).

Ngoài ra, Công ty Nam Dương còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Nam Dương không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP NVTB có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành thu hồi và phát mãi tài sản bảo đảm là các tài sản thế chấp chi tiết như sau:

- 01 xe sơ mi rơ moóc, nhãn hiệu: AMT, số loại: S403; số khung: RPUS403V8G3000082; biển số: 51R-136.17 Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc số 012880 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/3/2016 cho Công ty Nam Dương.

- 01 xe sơ mi rơ moóc, nhãn hiệu: AMT, số loại: S202; số khung: RPUS202V1G3000004; biển số: 51R-133.35 Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc số 012874 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/3/2016 cho Công ty Nam Dương.

Trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VPBank thì VPBank có quyền yêu cầu ông Nguyễn Sỹ P tiếp tục liên đới với Công ty Nam Dương thanh toán toàn bộ nợ vay theo hợp đồng bảo lãnh đã ký với VPBank.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng TMCP NVTB trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ tính đến hết ngày 23/9/2020 là 1.005.506.713 đồng, trong đó: nợ gốc: 637.327.449 đồng, nợ lãi: 368.179.264 đồng. Ngoài ra, Công ty Nam Dương còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng. Công ty Nam Dương không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP NVTB có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành thu hồi và phát mãi tài sản bảo đảm thế chấp để thu hồi nợ và yêu cầu ông Nguyễn Sỹ P có trách nhiệm liên đới trả thay cho Công ty Nam Dương thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn Công ty Nam Dương, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Sỹ P để tham gia xét xử nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án

thực hiện vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, đã chấp hành theo quy định của pháp luật; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP NVTB về việc buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Sỹ P có trách nhiệm liên đới thay Công ty Nam Dương thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP NVTB khởi kiện bị đơn Công ty TNHH MTV Vận Tải Giao Nhận ND về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh còn thiếu cho Ngân hàng TMCP NVTB. Đây là vụ án kinh doanh thương mại về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về người tham gia tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Sỹ P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ từ khi thụ lý đến khi xét xử nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án, nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2.2]. Ngân hàng TMCP NVTB và Công ty TNHH MTV Vận Tải Giao Nhận ND có ký các Hợp đồng tín dụng số: SME/EGV/16/0088/HDTD ngày 25/3/2016, SME/EGV/16/0213/HDNT ngày 04/8/2016, SME/EGV/16/0213/HDTD-01 ngày 04/8/2016, SME/EGV/16/0220/HDTD ngày 15/8/2016 và các khế ước nhận nợ kèm theo như nguyên đơn trình bày. Để đảm bảo cho các khoản vay trên, bị đơn thế chấp bằng các tài sản gồm: 01 xe sơ mi rơ móc, nhãn hiệu: AMT, số loại: S403, số khung: RPUS403V8G3000082, biển số: 51R-136.17; 01 xe sơ mi rơ móc, nhãn hiệu: AMT, số loại: S202, số khung: RPUS202V1G3000004, biển số: 51R-133.35; 01 xe ô tô đầu kéo, nhãn hiệu FREIGHTLINER, số loại: ST120064S, số khung: BCG82LG25813, số máy 75776067MK60, biển số: 51C-786.04; 01 xe ô tô đầu kéo, nhãn hiệu FREIGHTLINER, số loại: ST120064S, số khung: BCG33LJ93940, số máy:

06016067MK60, biển số: 51C-127.22 thuộc quyền sở hữu của Công ty Nam Dương. Ngoài ra, khoản vay của bị đơn còn được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Sỹ P.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giao cho bị đơn đầy đủ số tiền theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kèm theo các khế ước nhận nợ thể hiện trong hồ sơ. Hợp đồng tín dụng kèm theo các khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp và hợp đồng bảo lãnh đều được người có thẩm quyền của các bên ký trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tuân theo đúng quy định của pháp luật, các hợp đồng thế chấp đều được đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, các thỏa thuận trong hợp đồng phát sinh hiệu lực và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện.

Tại bản trình bày ngày 23/9/2020, VPBank trình bày quá trình vay vốn, Công ty Nam Dương đã thanh toán cho VPBank được 885.172.551 đồng nợ gốc và 305.385.604 đồng nợ lãi, tổng cộng nợ gốc và lãi thanh toán cho VPBank là: 1.190.558.155 đồng và giải chấp đối với các tài sản sau:

+ Ngày 07/3/2018, Công ty TNHH MTV Vận Tải Giao Nhận ND đã nộp số tiền 375.000.000 đồng để giải chấp tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô đầu kéo, nhãn hiệu: FREIGHTLINER, số loại: ST120064S, số khung: BCG33LJ93940, số máy: 06016067MK60, biển số: 51C-127.22 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 174815 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 06/7/2016. Số tiền thu được, VPBank đã thu vào nợ gốc của các hợp đồng.

+ Ngày 01/11/2018, Công ty TNHH MTV Vận Tải Giao Nhận ND đã nộp số tiền 230.000.000 đồng để giải chấp tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô đầu kéo, nhãn hiệu: FREIGHTLINER, số loại: ST120064S; số khung: BCG82LG25813, số máy 75776067MK60, biển số: 51C-786.04 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 187780 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 14/7/2016. Số tiền thu được, VPBank đã thu vào nợ gốc của các hợp đồng.

Kể từ thời điểm Công ty Nam Dương nộp số tiền giải chấp đến nay, Công ty TNHH Nam Dương đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của VPBank. Do đó, VPBank khởi kiện yêu cầu Công ty Nam Dương phải trả số tiền trên là có căn cứ.

[2.3]. Về yêu cầu thanh toán nợ gốc: Về số nợ gốc, quá trình sử dụng vốn vay, Công ty Nam Dương đã thanh toán cho VPBank được 885.172.551 đồng. Như vậy, tạm tính đến ngày 23/9/2020, Công ty Nam Dương còn nợ gốc đối với VPBank là 637.327.449 đồng. Xét thấy, trong các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ, các bên thỏa thuận vay dưới hình thức trả góp theo kỳ, kỳ hạn cuối cùng của các hợp đồng tín dụng chưa đến hạn nhưng ngày 28/9/2018 VPBank đã khởi kiện Công ty Nam Dương yêu cầu thanh toán nợ. Tại mục 2 Điều 4 và Điều 6 của các Hợp đồng tín dụng có ghi rõ *“Các bên cùng thống nhất hiểu rõ rằng việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một kỳ trả nợ gốc hoặc kỳ trả nợ lãi nào cũng bị coi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và bên Ngân hàng có quyền thu hồi ngay toàn bộ dư nợ còn lại của Bên vay mà không cần phải chờ đến khi kết thúc thời hạn vay...”*. Do đó, khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ khoản nợ đã vay là đúng thỏa thuận trong các hợp đồng.

[2.4]. Về lãi suất: Các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đối với lãi suất trong hạn như sau: Hợp đồng tín dụng số:

SME/EGV/16/0088/HDTD ngày 25/3/2016 lãi suất 7.5%/năm được điều chỉnh 03 tháng/lần; Hợp đồng tín dụng số: SME/EGV/16/0213/HDNT ngày 04/8/2016 và SME/EGV/16/0213/HDTD-01 ngày 04/8/2016 lãi suất 22.3%/năm được điều chỉnh 01 tháng/lần; Hợp đồng tín dụng số: SME/EGV/16/0220/HDTD ngày 15/8/2016 lãi suất 7.5%/năm được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Việc tính lãi theo bảng kê chi tiết do VPBank nộp là đúng với thỏa thuận mà hai bên đã ký, đúng với Biểu lãi suất huy động vốn của VPBank và phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nợ lãi tạm tính đến hết ngày 23/9/2020 là 368.179.264 đồng và phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo hợp đồng đã ký từ ngày 24/9/2020 đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ là có cơ sở để chấp nhận.

[2.5]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp Công ty Nam Dương không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên, VPBank yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là: 01 xe sơ mi rơ moóc, nhãn hiệu: AMT, số loại: S403, số khung: RPUS403V8G3000082, biển số: 51R-136.17 Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc số 012880 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/3/2016 cho Công ty Nam Dương; 01 xe sơ mi rơ moóc, nhãn hiệu: AMT, số loại: S202, số khung: RPUS202V1G3000004, biển số: 51R-133.35 Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc số 012874 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/3/2016 cho Công ty Nam Dương. Theo thỏa thuận tại Điều 5 của các Hợp đồng thế chấp, khi bên vay không thực hiện nghĩa vụ, Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Việc ký kết hợp đồng thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 323, 342 và 343 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên các hợp đồng thế chấp trên là hợp pháp. Phía bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không thể yêu cầu bị đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ về tài sản thế chấp hiện nay đang ở đâu. Phía nguyên đơn xác nhận đang giữ bản chính giấy tờ của các tài sản thế chấp trên, được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng pháp luật và được thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký lưu hành phương tiện giao thông theo quy định. Tại Điều 3 của các hợp đồng thế chấp thỏa thuận về tài sản thế chấp do bên thế chấp quản lý và sử dụng, nên nguyên đơn không biết được và cũng không có ý kiến gì về việc hiện nay ai đang quản lý, sử dụng các tài sản thế chấp nên Tòa án không thể tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ và không thể xác định người đang quản lý, sử dụng các tài sản thế chấp nêu trên. Tại Điều 5 và Điều 7 của các hợp đồng thế chấp, các bên thỏa thuận Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Do đó, trường hợp bị đơn không thanh toán đầy đủ nợ cho nguyên đơn, nguyên đơn yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và các Điều 351, 355 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

[2.6]. Về quyền yêu cầu đối với người bảo lãnh: Ngoài yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền nợ gốc, nợ lãi và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, nguyên đơn còn yêu cầu ông Nguyễn Sỹ P là người bảo lãnh phải liên đới với Công ty Nam Dương thanh toán toàn bộ nợ vay theo hợp đồng bảo lãnh đã ký với VPBank trong trường hợp bị đơn không trả nợ và việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ. Căn cứ theo các Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EGV/16/0088/HĐBLDS ngày 25/3/2016; Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EGV/16/0213/HĐBL ngày 04/8/2016; Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EGV/16/0220/HĐBL ngày 15/8/2016 giữa bên bảo lãnh là ông Nguyễn Sỹ P, bên nhận bảo lãnh là VPBank và bên được bảo lãnh là Công ty Nam Dương. Xét thấy,

các hợp đồng bảo lãnh được nguyên đơn và ông Nguyễn Sỹ P ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực thi hành. Do đó, khi bị đơn không thực hiện, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ và việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thu hồi nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu ông Phúc phải thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh theo thỏa thuận đã ký trong các hợp đồng bảo lãnh. Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại các Điều 361, 362, 363 và 369 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 30 điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 290, 323, 342, 343, 350, 351, 355, 361, 362, 363, 389, 401 và 405 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất,

phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP NVTB:

Buộc Công ty TNHH MTV Vận Tải Giao Nhận ND có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP NVTB số tiền tính đến ngày 23/9/2020 là: 1.005.506.713 (Một tỷ không trăm lẻ năm triệu năm trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm mười ba) đồng, trong đó nợ gốc là: 637.327.449 (Sáu trăm ba mươi bảy triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn bốn trăm bốn mươi chín) đồng và nợ lãi là: 368.179.264 (Ba trăm sáu mươi tám triệu một trăm bảy mươi chín ngàn hai trăm sáu mươi bốn) đồng.

Trường hợp Công ty TNHH MTV Vận Tải Giao Nhận ND không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP NVTB có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp đã được xác lập theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: SME/EGV/16/0088/HĐTC ngày 25/3/2016 là: 01 xe sơ mi rơ moóc, nhãn hiệu: AMT, số loại: S403, số khung: RPUS403V8G3000082, biển số: 51R-136.17 theo Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc số 012880 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/3/2016 cho Công ty Nam Dương; 01 xe sơ mi rơ moóc, nhãn hiệu: AMT, số loại: S202, số khung: RPUS202V1G3000004, biển số: 51R-133.35 theo Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc số 012874 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/3/2016 cho Công ty TNHH MTV Vận Tải Giao Nhận ND để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ nêu trên thì ông Nguyễn Sỹ P có nghĩa vụ thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP NVTB theo các Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EGV/16/0088/HĐBLDS ngày 25/3/2016; Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EGV/16/0213/HĐBL ngày 04/8/2016; Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EGV/16/0220/HĐBL ngày 15/8/2016.

Kể từ ngày 24/9/2020 cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP NVTB, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: SME/EGV/16/0088/HĐTD ngày 25/3/2016 và Khế ước nhận nợ Lần: 01/số: SME/EGV/16/0088/HĐTD; Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số: SME/EGV/16/0213/HĐNT ngày 04/8/2016; Hợp đồng tín dụng số: SME/EGV/16/0213/HĐTD-01 ngày 04/8/2016 và Khế ước nhận nợ Lần: 01/số: SME/EGV/16/0213/HĐTD-01-01 ngày 04/8/2016; Hợp đồng tín dụng số: SME/EGV/16/0220/HĐTD ngày 15/8/2016 và Khế ước nhận nợ Lần: 01/số: SME/EGV/16/0220/HĐTD-01 ngày 15/8/2016.

Ngân hàng TMCP NVTB có nghĩa vụ hoàn trả bản chính Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc số 012880 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/3/2016 cho Công ty Nam Dương; Giấy chứng nhận đăng ký rơ moóc số 012874 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/3/2016 cho Công ty Nam Dương ngay khi Công ty Nam Dương đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên.

2. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 42.165.201 (Bốn mươi hai triệu một trăm sáu mươi lăm ngàn hai trăm lẻ một) đồng do Công ty TNHH MTV Vận Tải Giao Nhận ND chịu.

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP NVTB số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 20.087.212 (Hai mươi triệu không trăm tám mươi bảy ngàn hai trăm mười hai) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0001758 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Hoàng